

Số: 63/2019/QĐST-HNGĐ

Uông Bí, ngày 03 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 82, 83, 84 của
Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 4, các khoản 1 và 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 67/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1) Chị **Trần Thị Ánh T**, sinh năm 1970; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ..., phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: ..., phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

2) Anh **Lê Hoài B**, sinh năm 1969; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: ..., phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ánh T và anh Lê Hoài B đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 15 tháng 4 năm 1991 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Từ sau khi kết hôn đến nay, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu theo chị T là do anh B có quan hệ vợ chồng với người phụ nữ khác và có con riêng nên không về nhà, khi về nhà thường hay mắng chửi vợ con, vợ chồng sống ly thân đã hơn một năm nay. Còn theo anh B, do công việc cũng như sức khỏe của anh không đảm bảo nên anh thường xuyên không có mặt ở nhà, cuộc sống có nhiều vướng mắc. Anh chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận.

[2] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống anh chị có 04 (bốn) con chung là: Lê Hoài A, sinh ngày 14/02/1992 (đã thành niên); Lê Ngọc M, sinh ngày 15/5/1995 (đã thành niên); Lê Minh T, sinh ngày 12/02/2002 và Lê Tuấn N, sinh ngày 15/07/2008. Anh chị thỏa thuận: Anh Lê Hoài B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Lê Minh T, sinh ngày 12/02/2002 và Lê Tuấn N, sinh ngày 15/07/2008 kể từ tháng 4 năm 2019 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí dân sự: Anh chị thỏa thuận: Chị Trần Thị Ánh T tự nguyện nộp 300.000 đồng tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

[5]

hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con và chia tài sản cùng lập ngày 24 tháng 4 năm 2019 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập thành và Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con và chia tài sản, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ánh T và anh Lê Hoài B cùng thỏa thuận thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Lê Hoài B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Lê Minh T sinh ngày 12/02/2002 và Lê Tuấn N sinh ngày 15/07/2008 kể từ tháng 4 năm 2019 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Trần Thị Ánh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Ánh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp chị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T.

Sau khi ly hôn, các bên vẫn có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc trường hợp bên nào không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị Ánh T và anh Lê Hoài B không đề nghị giải quyết khi ly hôn.

- Về các vấn đề khác: Chị Trần Thị Ánh T và anh Lê Hoài B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị Ánh T tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0000821 ngày 25/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị Trần Thị Ánh T đã nộp đủ lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- UBND P. Thanh Sơn,
TP. Uông Bí, T. Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP Uông Bí;
- Chi cục THADS TP Uông Bí;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự; TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Lâm